

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/4/2020.

“Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Trang

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2019, về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trần Công D1, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc D trình bày: Bà và ông Trần Công D1 sống chung như vợ chồng vào tháng 11 năm 1987 không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, tự tìm hiểu. Sau khi cưới thì ông và bà sống ở nhà riêng tại xã Gia An, huyện Tánh Linh đến năm 2002 chuyển đến xã L, huyện H sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông D1 thường xuyên bỏ nhà đi vài tháng mới về, khi về thì kiếm chuyện vô cớ chửi và đánh bà bị thương tích, khi ông D1 bỏ nhà đi một mình gồng gánh nuôi 03 đứa con trưởng thành. Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc và không thể kéo dài, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Trần Công D1 là vợ chồng. Về con cái: Bà và ông D1 có 03 người con chung tên là: Trần Công Đ – sinh ngày

05/8/1989, Trần Thị Hạnh T – sinh ngày 15/7/1992 và Trần Công Phú T1 - sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về nợ và tài sản không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Công D1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020 trình bày: Ông và bà Phan Thị Ngọc D sống chung vợ chồng năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Từ khi cưới nhau sống hạnh phúc, cách đây khoảng 03 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bà Phan Thị Ngọc D rất hỗn hào chửi mắng đuổi ông đi ra khỏi nhà nhiều lần, ông phải ra chuồng bò cũ gần nhà để ở. Nay ông đồng ý với yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc D là đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà D là vợ chồng. Về con cái: Vợ chồng có 03 người con chung tên là: Trần Công Đ – sinh ngày 05/8/1989, Trần Thị Hạnh T – sinh ngày 15/7/1992 và Trần Công Phú T1 - sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về nợ và tài sản không yêu cầu giải quyết

Tại Tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Công D1 là vợ chồng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của ông Trần Công D1 không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, ông Trần Công D1 đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa, chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên Tòa đã giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Công D1.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn”. Qua thẩm tra tài liệu, chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Theo lời khai của các bên qua hòa giải và tại phiên tòa hôm nay thì hai bên thống nhất là ông Trần Công D1 và bà Phan Thị Ngọc D chung sống như vợ chồng một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn. Nay cả hai xác định không còn tình cảm gì với nhau nên bà D đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Trần Công D1 là vợ chồng là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 người con chung tên là: Trần Công Đ – sinh ngày 05/8/1989, Trần Thị Hạnh T – sinh ngày 15/7/1992 và Trần Công Phú T1 - sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về nợ không yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Công D1 đều thống nhất là tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị Ngọc D là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Trần Công D1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Công D1 là vợ chồng.

3.Về án phí, lệ phí:

Bà Phan Thị Ngọc D là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền số 0028892 ngày 26/12/2019 nên không phải nộp nữa.

Ông Trần Công D1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Công D1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

